TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước.**
2. Bà **Võ Tuyết Kha.**

Thư ký Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2019/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019, về việc: ***"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Th.Đ -** sinh năm 1979. Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Số S, ấp a, xã X, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Anh **Nguyễn V.Ch** - sinh năm 1965. Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Số S, ấp a, xã X, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn Th.Đ trình bày và yêu cầu:

- Về Hôn nhân: Chị Đ xác định chị và anh Ch tự nguyện sống chung như vợ chồng hơn 20 năm, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài. Hiện

tại chị Đ không còn muốn sống chung anh Ch nữa, chị Đ cương quyết xin ly hôn anh Ch.

- Về con: Chị Đ và anh Ch có 03 người con chung. Trong đó người con lớn tên Nguyễn Th.Nh - sinh năm 1997 đã đủ tuổi thành niên và đã lập gia đình riêng; Còn Nguyễn Tr.D sinh ngày 29/11/2004 và Nguyễn D.Kh - sinh ngày 11/9/2014 chưa đủ tuổi thành niên thì sống chung anh Ch từ ngày chị Đ và anh Ch ly thân cho đến nay. Chị Đ yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu D và cháu Kh, đồng thời yêu anh Ch cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, đối với Nguyễn Th.Nh đã lập gia định và có khả năng tự nuôi sống bản thân nên chị Đ không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ: Chị Đ xác định chị và anh Ch không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Bị đơn anh Nguyễn V.Ch trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Ch thống nhất với chị Đ về thời gian sống chung và có đăng ký kết hôn. Anh Ch không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ vì cho rằng còn thương chị Đ.

- Về con chung: Anh Ch thống nhất với trình bày của chị Đ về con chung, anh Ch không đồng ý giao con cho chị Đ nuôi, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Đ.

- Về tài sản và nợ: Anh Ch thống nhất với trình bày của chị Đ.

**** Tại phiên tòa:***

- Các đương sự vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến khác với ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Th.Đ được ly hôn anh Nguyễn V.Ch

+ Về con: Giao cháu Nguyễn Tr.D sinh ngày 29/11/2004 và cháu Nguyễn D.Kh - sinh ngày 11/9/2014 cho anh Ch nuôi. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

+ Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**** Các tình tiết của vụ án:***

- Chị Đ và anh Ch tự nguyện sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

- Anh Ch không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ, chị Đ xác định không muốn tiếp tục cuộc sống chung với anh Ch và cương quyết xin ly hôn anh Ch.

- Người con lớn của anh Ch và chị Đ là Nguyễn Th.Nh - sinh năm 1997 đã có gia đình và có khả năng lao động nuôi sống bản thân; Hai con chưa thành niên là Nguyễn Tr.D - sinh ngày 29/11/2004 và cháu Nguyễn D.Kh - sinh ngày 11/9/2014 sống chung anh Ch từ ngày chị Đ và anh Ch ly thân cho đến nay.

- Chị Đ và anh Ch không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Th.Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn V.Ch, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do chị Đ và anh Ch có đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh Ch: Chị Đ và anh Ch tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù anh Ch không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ, nhưng xét thấy hôn nhân phải được xây dựng bằng tình cảm của cả vợ và chồng, trong khi đời sống chung của chị Đ và anh Ch thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến chị Đ không muốn tiếp tục đời sống hôn nhân với anh Ch, và cương quyết xin được ly hôn anh Ch, còn anh Ch thì cũng không đưa ra được phương án hàn gắn quan hệ hôn nhân, đến thời điểm xét xử sơ thẩm chị Đ vẫn cương quyết xin ly hôn anh Ch. Từ đó cho thấy đời sống của chị Đ và anh Ch có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân đang trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình được sửa đổi, bổ sung năm 2014 cho chị Đ được ly hôn anh Ch.

[4] Xét về con chung:

[4.1] Về quyền trực tiếp nuôi con:

Cháu Nguyễn Th.Nh sinh năm 1997 đã thành niên và đã lập gia định, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Tr.D - sinh ngày 29/11/2004 và cháu Nguyễn D.Kh - sinh ngày 11/9/2014 thì từ ngày chị Đ và anh Ch ly thân cho đến nay hai cháu đã có cuộc sống chung ổn định với anh Ch, cháu D cũng có nguyện vọng được sống chung anh Ch và anh Ch cũng có thu thập ổn định. Từ đó cho thấy hiện tại anh Ch đủ điều kiện chăm sóc con chưa thành niên, đồng thời để đảm bảo cuộc sống bình thường của các cháu không bị xáo trộn, nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Tr.D và

cháu Nguyễn D.Kh cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng, chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được quyền cản trở.

[4.2] Về nghĩa vụ ấp dưỡng: Do anh Ch không có yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ: Chị Đ và anh Ch không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí trong vụ án: Buộc chị Nguyễn Th.Đ phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Th.Đ đối với anh Nguyễn V.Ch, chị Nguyễn Th.Đ được ly hôn anh Nguyễn V.Ch.

2. Về quyền trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung của chị Nguyễn Th.Đ và Nguyễn V.Ch là cháu Nguyễn Tr.D - sinh ngày 29/11/2004 và cháu Nguyễn D.Kh - sinh ngày 11/9/2014 cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng; Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh Ch không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản và nợ: Chị Đ và anh Ch không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Th.Đ phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014018 ngày 24 tháng 4 năm 2019, chuyển thu án phí 300.000đ.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang